

Số: 80/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 432/TTr-STC ngày 05 tháng 08 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Quy định một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2017

của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (cũ) Ban hành Quy định một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính; Thuế thành phố; Chi cục Hải quan khu vực V; Kho bạc Nhà nước khu vực VI; các đơn vị dự toán ngân sách cấp thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp luật, Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TT. Thành ủy, TT. HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng trực thuộc Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND TP: LĐVP, KTN, THĐT, KTTH, TTTT thành phố (đăng công báo);
- Lưu: VT, KTTH_{Trung} (03).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Tân Phụng



QUY ĐỊNH

Một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh:

1. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan được giao quản lý quỹ) theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 26/2026/TT-BTC;

2. Các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC;

3. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách cấp xã theo quy định Tại điểm a khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC; mức rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách cấp xã theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC;

4. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC;

5. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC;

6. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 26/2026/TT-BTC;

7. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC;

8. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp thành phố, cấp xã (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội); đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường (gọi chung là xã) trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan được giao quản lý quỹ) hằng năm

1. Thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước

a) Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm:

Thuế thành phố: lập dự toán thu nội địa chi tiết theo từng sắc thuế, dự toán hoàn thuế theo chế độ thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính.

Cơ quan Hải quan khu vực lập dự toán thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu theo chế độ và địa bàn thuộc thành phố Bắc Ninh gửi Sở Tài chính.

Đơn vị dự toán cấp I và các cơ quan, tổ chức được ngân sách cấp thành phố hỗ trợ và UBND cấp xã: tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách năm sau thuộc phạm vi quản lý, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm về hồ sơ và số liệu báo cáo gửi Sở Tài chính để làm cơ sở tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước. Đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) để tổng hợp gửi Sở Tài chính.

b) Trước ngày 05 tháng 7 hằng năm:

Sở Khoa học và Công nghệ gửi Sở Tài chính báo cáo tổng hợp, đề xuất dự kiến tổng mức chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các Sở, cơ quan, đơn vị cấp thành phố, các cơ quan có liên quan khác được giao nhiệm vụ và UBND cấp xã, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi ngân cấp thành phố và chi ngân sách cấp xã, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Các chủ chương trình mục tiêu quốc gia gửi Sở Tài chính dự kiến tổng mức kinh phí cho từng chương trình, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi ngân sách trung ương, chi ngân sách cấp thành phố, chi ngân sách cấp xã, bảo đảm trong phạm vi tổng mức kinh phí đã được phê duyệt và khả năng thực hiện.

2. Thời gian xây dựng dự toán ngân sách nhà nước báo cáo Hội đồng nhân dân cấp thành phố

a) Trước ngày 01 tháng 9 hằng năm:

Đơn vị dự toán cấp I và các cơ quan, tổ chức được ngân sách cấp thành phố hỗ trợ: gửi Sở Tài chính dự toán thu, chi ngân sách, phương án phân bổ ngân sách năm sau, chi tiết theo từng lĩnh vực và từng đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách; đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia).

Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tài chính dự toán ngân sách địa phương năm sau của cấp xã; đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia).

b) Trước ngày 15 tháng 9 hằng năm:

Cơ quan Thuế gửi Sở Tài chính dự toán thu nội địa năm sau, chi tiết theo từng sắc thuế, từng lĩnh vực thu, từng cơ quan, đơn vị cấp thành phố giao tổ chức thực hiện thu ngân sách nhà nước và từng xã, phường.

Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) và các cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) gửi Sở Tài chính phương án đề xuất dự toán chi ngân sách năm sau cho từng đơn vị dự toán cấp I và các cơ quan, tổ chức được ngân sách cấp thành phố hỗ trợ và từng xã, phường.

3. Các đơn vị dự toán cấp I, UBND cấp xã căn cứ đặc điểm của đơn vị, địa phương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lập và gửi dự toán ngân sách đảm bảo thời gian theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ gửi cơ quan

tài chính cùng cấp để tổng hợp chung cùng báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã

a) Trường hợp dự toán ngân sách cấp xã và phương án phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, UBND cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 25 tháng 12;

b) Trường hợp UBND thành phố giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các xã chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 6 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, UBND cấp xã trình dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp xã chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày được giao dự toán để Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. Trường hợp chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, UBND cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 28 tháng 12.

Điều 4. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I

Đơn vị dự toán cấp I ở địa phương giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu B, mẫu C Phụ lục II, các mẫu biểu số 47, 48 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC và các phụ lục có liên quan (nếu có); gửi cơ quan tài chính để kiểm tra, gửi Kho bạc Nhà nước khu vực quản lý địa bàn cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện. Đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách theo các mẫu biểu từ số 37 đến số 46 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC và các nội dung như sau:

1. Đối với kinh phí tự chủ

Biểu tính toán số liệu phân bổ dự toán;

Các văn bản phát sinh mới (so với tài liệu đã gửi cơ quan tài chính tại thời điểm lập dự toán) liên quan đến quyết định giao biên chế, tiền lương;

2. Đối với kinh phí không tự chủ

Các văn bản phát sinh mới (so với tài liệu đã gửi cơ quan Tài chính tại thời điểm lập dự toán);

Biểu dự toán chi tiết có thuyết minh cơ sở lập dự toán (Số đối tượng, nội dung chi, mức chi);

Các tài liệu làm cơ sở xác định số kinh phí được phân bổ: quyết định phê duyệt dự toán, quyết định phê duyệt quyết toán, hợp đồng, giấy báo giá.

Điều 5. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách cấp xã

1. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối

Để đảm bảo nhu cầu chi theo dự toán và khả năng cân đối theo tiến độ thu ngân sách, việc rút dự toán chi bổ sung cân đối hàng tháng tối đa không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút một tháng không vượt quá 12% dự toán năm và đảm bảo tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng thêm tiến độ rút dự toán, UBND cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, thông báo bằng văn bản để UBND cấp xã và Kho bạc Nhà nước Khu vực VI thực hiện.

2. Mức rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu

Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VI, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ.

Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết thì phải hoàn trả cho ngân sách thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 26/2026/TT-BTC.

Điều 6. Thời gian, mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương

a) Định kỳ hằng tháng, trước ngày 05 tháng sau liền kề, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo Phụ lục số II, III, IV kèm theo Quyết định này.

b) Định kỳ hằng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước quý trước theo mẫu biểu số 53 phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ hằng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương quý trước theo Phụ lục số II, III, IV kèm theo Quyết định này.

2. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách cấp xã

Định kỳ hằng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, cơ quan tài chính cấp xã báo cáo Sở Tài chính về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách cấp xã theo Phụ lục số V kèm theo Quyết định này.

3. Thời gian và mẫu biểu báo cáo sử dụng số tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp xã

Trước ngày 10 tháng 3 hằng năm, UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước theo Phụ lục số I kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Thời gian gửi báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm

1. Đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương tổng hợp quyết toán ngân sách hằng năm của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý và đơn vị được giao dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 tháng 3 năm sau đối với cấp thành phố và trước ngày 20 tháng 2 năm sau đối với cấp xã.

2. Quyết toán năm của đơn vị dự toán trực thuộc do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải đảm bảo thời gian để đơn vị dự toán cấp I tổng hợp, lập báo cáo gửi cơ quan Tài chính cùng cấp đảm bảo thời gian theo quy định tại Khoản 1 điều này.

3. Quyết toán năm của ngân sách các cấp chính quyền địa phương do cơ quan Tài chính lập gửi UBND cùng cấp xem xét:

- a) Cấp thành phố trước ngày 15 tháng 4 năm sau.
- b) Cấp xã trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

Điều 8. Chế độ báo cáo công khai ngân sách nhà nước

1. Chế độ báo cáo công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách

Đơn vị dự toán ngân sách cấp trên, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Thời điểm công khai: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP.

2. Chế độ báo cáo công khai ngân sách nhà nước đối với UBND cấp xã

UBND cấp xã thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Thời điểm công khai: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP.

3. Mẫu biểu công khai ngân sách cấp xã

Ngoài mẫu biểu công khai NSNN theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC, mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã theo Phụ lục số II, III, IV kèm theo Quyết định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các xã, phường thực hiện thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định;

2. Thuế thành phố, Chi cục Hải quan khu vực V, UBND các xã, phường; các đơn vị dự toán ngân sách cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách, có trách nhiệm thực hiện việc lập, chấp hành, quyết toán ngân sách theo Quy định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định./.

UBND xã, phường...



Phụ lục số I
KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM....

(Dùng cho UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)

(Kèm theo Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			

ĐƠN VỊ, UBND XÃ PHUOC NG....



Phục lục số II
TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP THÁNG/QUÝ ...NĂM ...

(Dùng để báo cáo tài chính các cấp báo cáo UBND cùng cấp và UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)
(Kèm theo Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định (1)	Ước thực hiện		So sánh UTH lũy kế tháng/quý (%) so với		
				Tháng/Quý...	Lũy kế ...	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN							
I	Thu nội địa							
II	Thu từ dầu thô							
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu							
IV	Thu viện trợ							
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp							
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%							
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %							
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách							
2	Thu bổ sung có mục tiêu							
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính							
IV	Thu kết dư							
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
C	TỔNG CHI NSDP							
I	Chi cân đối ngân sách địa phương							
1	Chi đầu tư phát triển							
2	Chi thường xuyên							
3	Chi cho vay							
4	Chi viện trợ							
5	Chi trả nợ lãi							
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
7	Dự phòng NSNN							
8	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương							
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu (2)							
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau							



Phụ lục số III

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG/QUÝ ... NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính các cấp báo cáo UBND cùng cấp và UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)
(Kèm theo Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định (1)	Ước thực hiện		So sánh UTH lũy kế tháng/quý (%) so với		
				Tháng/Quý...	Lũy kế ...	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN							
I	Thu nội địa							
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước							
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN							
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh							
4	Thuế thu nhập cá nhân							
5	Thuế bảo vệ môi trường							
6	Các loại phí, lệ phí							
	<i>Trởo: Lệ phí trước bạ</i>							
7	Các khoản thu về nhà, đất							
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>							
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>							
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>							
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>							
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>							
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển							
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công							
10	Thu từ hoạt động xổ số							
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển							
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước							
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>							
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>							
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác							
14	Thu khác ngân sách							
II	Thu từ dầu thô							
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu							
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu							
2	Thuế xuất khẩu							
3	Thuế nhập khẩu							
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu							
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu							
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu							
7	Thuế khác							
IV	Thu viện trợ							

Ghi chú:

(1) Đối với báo cáo của cơ quan tài chính cấp thành phố là dự toán HĐND thành phố quyết định, đối với báo cáo của cơ quan tài chính cấp xã và UBND cấp xã là dự toán do HĐND xã quyết định

ĐƠN VỊ, UBND XÃ, PHƯỜNG....



Phụ lục số IV
ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN THÁNG/QUÝ ...NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính các cấp báo cáo UBND cùng cấp và UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)
(Kèm theo Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định (1)	Ước thực hiện		So sánh UTH lũy kế tháng/quý (%) so với		
				Tháng/Quý...	Lũy kế ...	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	5
	<u>TỔNG CHI NSDP</u>							
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP							
I	Chi đầu tư phát triển							
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực							
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia							
II	Chi trả nợ lãi							
III	Chi thường xuyên							
	Trong đó:							
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề							
-	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							

Stt	Nội dung	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định (1)	Ước thực hiện		So sánh UTH lũy kế tháng/quý (%) so với		
				Tháng/Quý...	Lũy kế ...	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	5
-	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể							
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin							
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình							
-	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao							
-	Chi quốc phòng							
-	Chi an ninh							
-	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình							
-	Chi bảo đảm xã hội							
-	Chi hoạt động kinh tế							
-	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường							
-	Chi khác							
IV	Chi cho vay							
V	Chi viện trợ							
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước							
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế							
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (2)							
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án							
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách							

Stt	Nội dung	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định (1)	Ước thực hiện		So sánh UTH lũy kế tháng/quý (%) so với		
				Tháng/Quý...	Lũy kế ...	Dự toán cấp trên giao	Dự toán HĐND quyết định	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	5
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia							

Ghi chú:

(1) Đối với báo cáo của cơ quan tài chính cấp thành phố là dự toán HĐND thành phố quyết định, đối với báo cáo của cơ quan tài chính cấp xã và UBND cấp xã là dự toán do HĐND xã quyết định

(2) Đối với báo cáo của cơ quan tài chính cấp thành phố là bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho NSDP, đối với báo cáo của cơ quan tài chính cấp xã và UBND cấp xã là bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách cấp xã

UBND XÃ, PHƯỜNG....

Phụ lục số V
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ BỔ SUNG MỤC TIÊU
QUÝ.....NĂM.....

(Dùng cho UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)
(Kèm theo Quyết định Số 80/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố)



Đơn vị: Đồng

Stt	Nội dung	Dự toán				Đã rút dự toán	Hủy/Không rút dự toán	Đã thực hiện chi hết quý ...	Ước thực hiện năm	Ghi chú
		Chuyển nguồn	Dự toán giao đầu năm	Bổ sung/thu hồi trong năm	Tổng					
A	B	1	2	3	4=1+2+3	5	6=4-5	7	8	9
	TỔNG									
A	Bổ sung mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ, dự án (Không bao gồm CTMTQG)									
	(Chi tiết theo nhiệm vụ chi)									
I	Nguồn năm trước chuyển sang									
	(Chi tiết theo nhiệm vụ chi)									
II	Bổ sung mục tiêu năm ...									
	(Chi tiết theo nhiệm vụ chi)									
B	Chương trình mục tiêu quốc gia									
	(Chi tiết theo nhiệm vụ chi)									

Ghi chú: Đối với kinh phí thực hiện CTMTQG, ghi chú mã dự án CTMT ở cột 9